CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: C

FireAnt

Ngày 30/06/2025	6,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.2%	**-8.8%**	**-26.0%**

ROE — Q2/25: **5.9%** | +/- YoY: ▼ 2.7%

DT thuần — *Q2/25*: **132** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 64.7 ▲ 95.9% | YoY: ▲ 43.3 ▲ 48.7%

DT thuần — *6T 2025*: **199** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 28.0 ▲ 16.4%

LN gộp — *Q2/25*: **28.1** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 0.50 ▲ 1.8% | YoY: ▼ 1.80 ▼ 6.0%

LN gộp — *6T 2025*: **55.7** *tỷ VNĐ* | YoY: ▼ 2.70 ▼ 4.7%

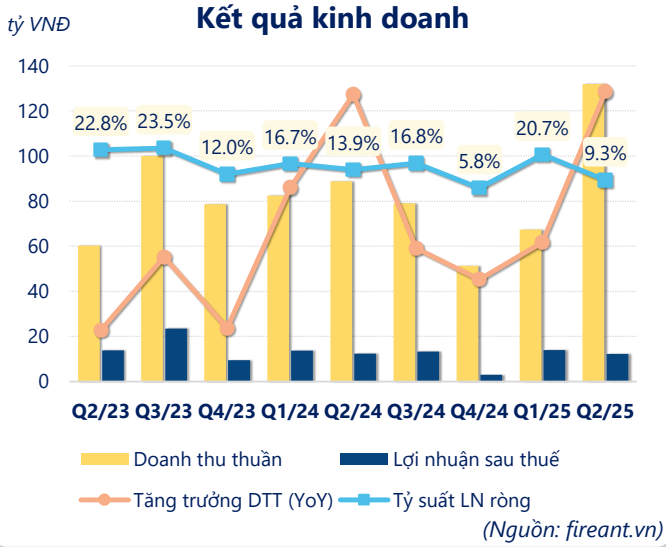
LN thuần — *Q2/25*: **16.0** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 1.90 ▼ 10.8% | YoY: ▲ 0.50 ▲ 3.0%

LN thuần — *6T 2025*: **33.9** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 1.10 ▲ 3.3%

LN sau thuế — *Q2/25*: **12.2** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 1.70 ▼ 12.1% | YoY: ▼ 0.20 ▼ 1.5%

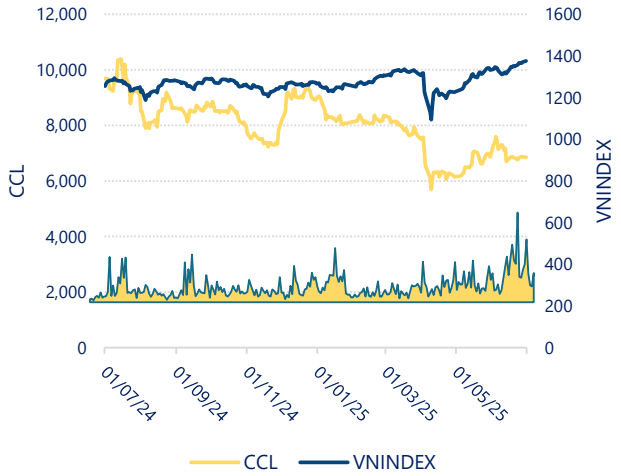
LN sau thuế — *6T 2025*: **26.1** *tỷ VNĐ*

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

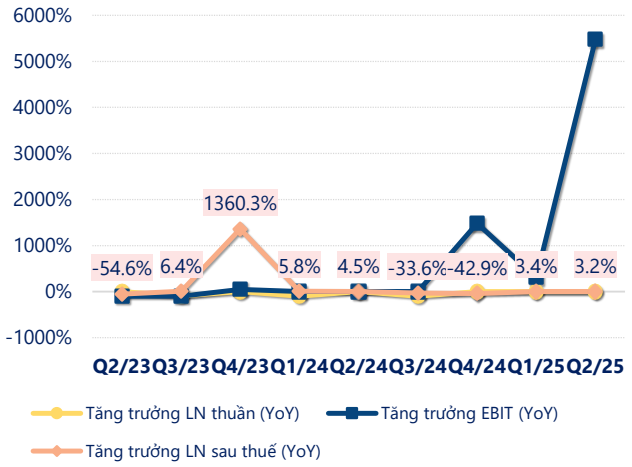
Lịch sử giá



CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: C

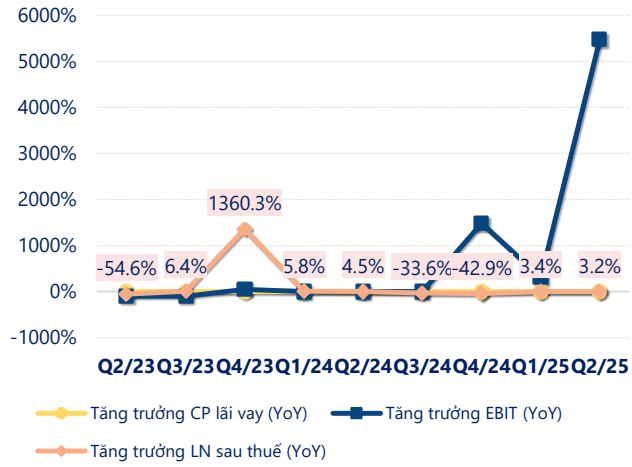
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



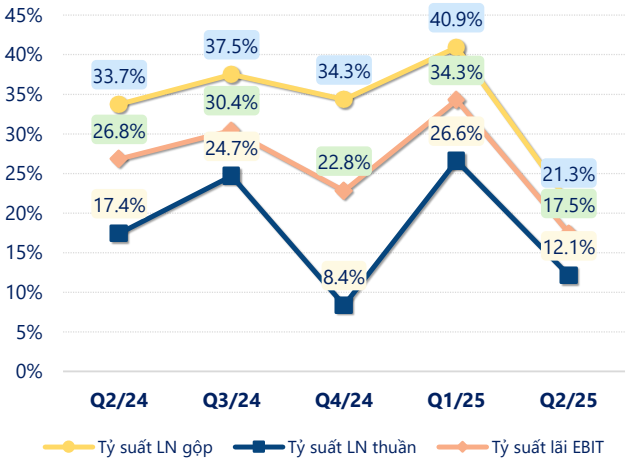
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



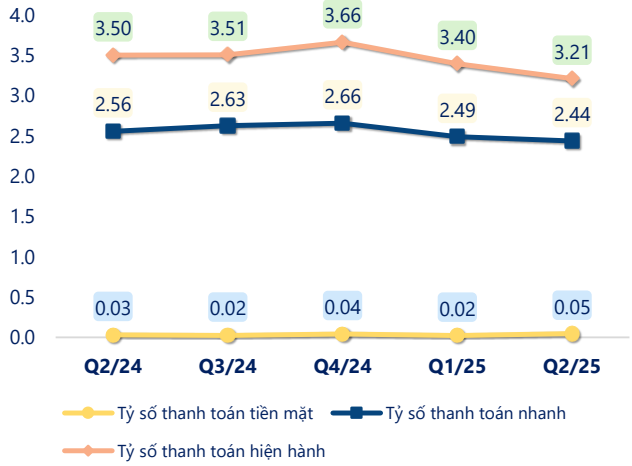
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



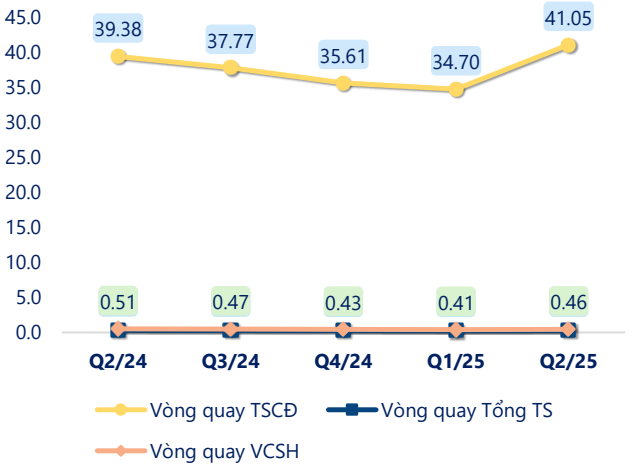
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



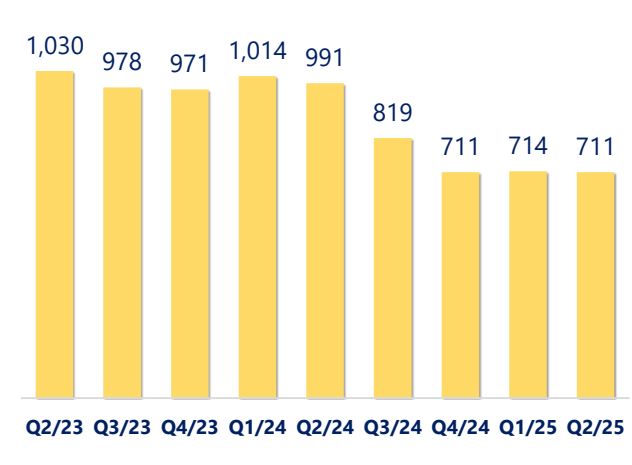
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

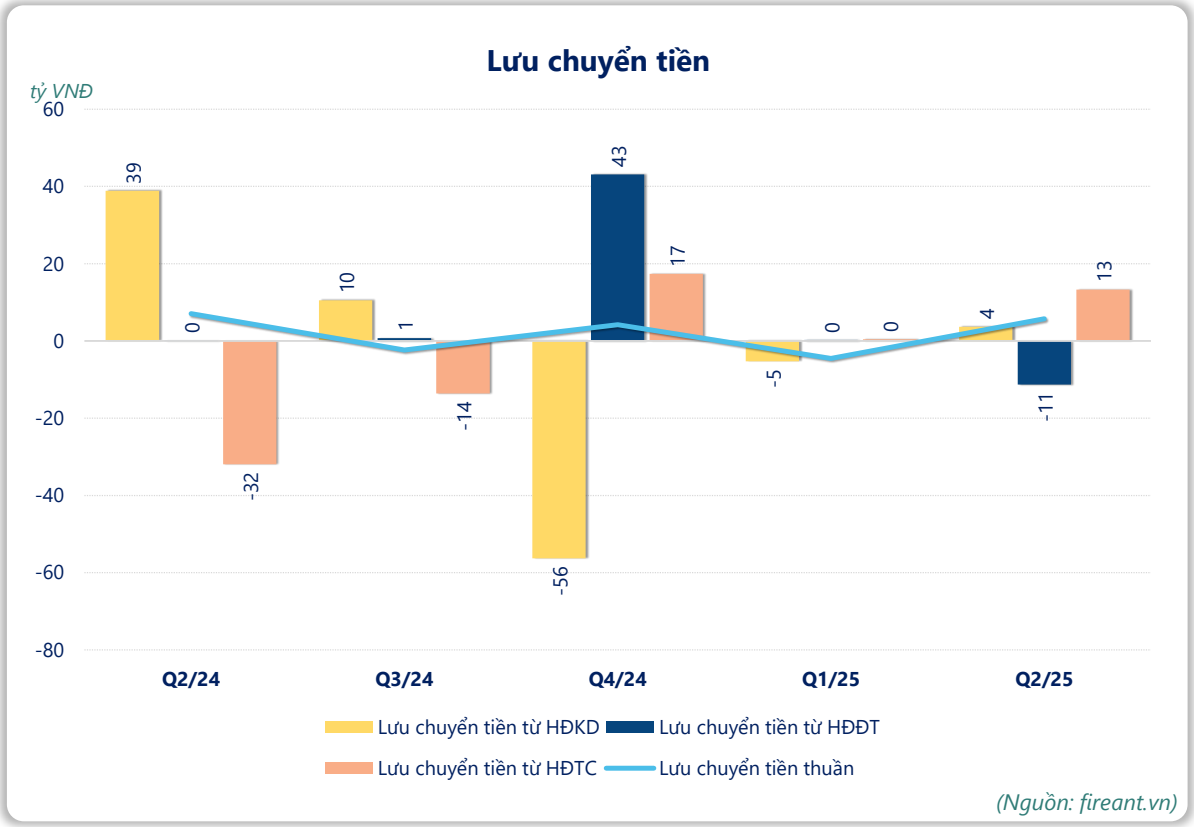


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX:

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**132**	**88.7**	**48.7%**	**199**	**171**	**16.4%**
Giá vốn hàng bán	104	58.8	76.5%	144	113	27.3%
Lợi nhuận gộp	28.1	29.9	-6.0%	55.7	58.4	-4.7%
Doanh thu HĐTC	0.11	0.10	12.3%	0.41	0.11	269%
Chi phí TC	10.1	9.42	7.5%	17.8	17.1	4.5%
Chi phí lãi vay	7.61	8.34	-8.7%	13.2	15.5	-14.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.45	3.40	-86.9%	0.72	5.07	-85.7%
Chi phí QLDN	**1.67**	**1.74**	**-4.2%**	**3.65**	**3.61**	**1.1%**
LN thuần từ HĐKD	16.0	15.5	3.0%	33.9	32.8	3.3%
Lợi nhuận khác	**-0.56**	**-0.01**	**-5472%**	**-0.96**	**-0.11**	**-776%**
LN trước thuế	15.4	15.5	-0.6%	32.9	32.7	0.7%
Lợi nhuận sau thuế	**12.2**	**12.4**	**-1.5%**	**26.1**	**26.1**	**0.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.2**	**12.4**	**-1.5%**	**26.1**	**26.1**	**0.1%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)